TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Tuyết Kha**

2. Ông **Đặng Văn Chiểu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Quốc N, sinh năm 1968. Nơi thường trú: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Nơi ở hiện tại: ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Bà Quách Ngọc K, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Tô Quốc N trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà K tự nguyện sống chung từ năm 2000, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Thạnh Lợi và được cấp

giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2000. Ông và bà K đã ly thân từ năm 2019 đến nay do sống chung không hợp nhau. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông và bà K có 01 người con chung là Tôn Hớn V, sinh ngày 31/01/2003, hiện đang sống với bà K. Khi ly hôn do con chung đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Quách Ngọc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ông N được ly hôn với bà K.

+ Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Ông N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà K, bà K đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông N và bà K là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông N và bà K tự nguyện sống chung từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa ông N và bà K là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên ông N và bà K đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng ông N và bà K không sống chung với nhau mà hai bên

không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà K không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, như vậy bà K đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của ông N và bà K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N, cho ông N được ly hôn với bà K.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do ông N cung cấp và lời khai của ông N thì ông N và bà K có một người con chung là Tôn Hớn V, sinh ngày 31/01/2003. Ông N xác định do con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Tô Quốc N ly hôn bà Quách Ngọc K.

2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Tô Quốc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ông N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012712 ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí. Bà Quách Ngọc K không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly